

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TRUYỀN THÔNG VƯƠNG THANH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TRUYỀN THÔNG VƯƠNG THANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110175066

3. Ngày thành lập: 08/11/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 4, Tòa UDIC RIVERSIDE1, số 122 đường Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0589358925

Fax:

Email: *tonghopchuyennghiep1@gmail.com*. Website: *com*

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4513
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4530
9.	Bán mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đấu giá mô tô, xe máy loại mới và loại đã qua sử dụng)	4541
10.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
11.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4543
12.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý (không bao gồm hoạt động đấu giá), môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	4610

13.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm)	4620
14.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
15.	Bán buôn thực phẩm	4632
16.	Bán buôn đồ uống	4633
17.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
18.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
19.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
20.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
21.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;	4659
23.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
24.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng và vàng nguyên liệu)	4662
25.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
26.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
27.	Trồng lúa	0111
28.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
29.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
30.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
31.	Trồng cây hàng năm khác	0119
32.	Trồng cây ăn quả	0121
33.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
34.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
35.	Chăn nuôi gia cầm	0146
36.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
37.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
38.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230

39.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
40.	Đào tạo sơ cấp (Chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8531
41.	Đào tạo trung cấp (Chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8532
42.	Đào tạo cao đẳng (Chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8533
43.	Giáo dục thể thao và giải trí (Chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8551
44.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật (Chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8552
45.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8559
46.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Việc cung cấp các dịch vụ không phải dạy học mà là hỗ trợ cho hệ thống hoặc quá trình giảng dạy: + Tư vấn giáo dục; + Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, + Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên. + Tư vấn du học (loại Nhà nước cho phép) (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính;) (Chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8560
47.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: - Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa	8620
48.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511

49.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...) (Doanh nghiệp cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và chỉ hoạt động khi có đủ điều, được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	9610
50.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
51.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
52.	Lập trình máy vi tính	6201
53.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
54.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
55.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
56.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
57.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, chứng khoán);	6619
58.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
59.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản - Sàn giao dịch bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
60.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)	7020

61.	<p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát địa hình; - Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công; - Thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế kiến trúc công trình - Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; - Thiết kế kết cấu công trình ; - Thiết kế điện - cơ điện công trình ; - Thiết kế cấp - thoát nước; - Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; - Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; - Thiết kế hệ thống xử lý nước cấp, nước thải, khí thải - Thiết kế phòng cháy – chữa cháy - Khảo sát địa chất thủy văn công trình - Khảo sát địa hình công trình - Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ ; - Kiểm định xây dựng ; - Định giá xây dựng; - Tư vấn lập quy hoạch xây dựng; - Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình - Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng - Quản lý dự án đầu tư xây dựng - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng - Lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự tuyển, hồ sơ dự thầu, 	7110
62.	<p>Quảng cáo</p> <p>(Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)</p>	7310
63.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
64.	<p>Hoạt động nhiếp ảnh</p> <p>(Không bao gồm hoạt động của phóng viên ảnh)</p>	7420
65.	<p>Bán buôn tổng hợp</p> <p>(Trừ dược phẩm và loại Nhà nước cấm)</p>	4690(Chính)
66.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
67.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
68.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
69.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
70.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
71.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
72.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
73.	Sản xuất sợi	1311
74.	Sản xuất vải dệt thoi	1312

75.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
76.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
77.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
78.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
79.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
80.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
81.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
82.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
83.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
84.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
85.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
86.	Sản xuất giày, dép	1520
87.	In ấn (Trừ loại Nhà nước cấm)	1811
88.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ được phẩm và loại Nhà nước cấm)	1812
89.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
90.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
91.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
92.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
93.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
94.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
95.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
96.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
97.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
98.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
99.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4774
100.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4791
101.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm đấu giá, Bán lẻ ngoài cửa hàng)	4799
102.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng taxi - Vận tải hành khách bằng mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	4931

103.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
104.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
105.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản)	5210
106.	Bốc xếp hàng hóa	5224
107.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ loại Nhà nước cấm)	5229
108.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: -Khách sạn -Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày -Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
109.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
110.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
111.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar)	5630
112.	Xuất bản phần mềm (trừ xuất bản phẩm)	5820
113.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
114.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
115.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Trừ cho thuê lại lao động)	7830
116.	Đại lý du lịch	7911
117.	Điều hành tua du lịch	7912
118.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: Các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán bar, vũ trường)	7990
119.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
120.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
121.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129

122.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
123.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
124.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
125.	Xây dựng nhà để ở	4101
126.	Xây dựng nhà không để ở	4102
127.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
128.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
129.	Xây dựng công trình điện	4221
130.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
131.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
132.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
133.	Xây dựng công trình thủy	4291
134.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
135.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
136.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
137.	Phá dỡ (Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4311
138.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
139.	Lắp đặt hệ thống điện (Trừ hoạt động nổ mìn)	4321
140.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
141.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
142.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
143.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
144.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
145.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
146.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
147.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

148.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
------	--	------

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: **VƯƠNG CHÍ THANH** Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *18/11/1963* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *110168417*

Ngày cấp: *09/07/2013* Nơi cấp: *Công an TP Hà Nội*

Địa chỉ thường trú: *Số 420 phố Chùa Thông, Phường Sơn Lộc, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 420 phố Chùa Thông, Phường Sơn Lộc, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VƯƠNG CHÍ THANH** Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *18/11/1963* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *110168417*

Ngày cấp: *09/07/2013* Nơi cấp: *Công an TP Hà Nội*

Địa chỉ thường trú: *Số 420 phố Chùa Thông, Phường Sơn Lộc, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 420 phố Chùa Thông, Phường Sơn Lộc, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội